

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BÁN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700148825 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HOSE)

(Đăng ký niêm yết số: 164.138-SGHN do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- **Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO)**
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Ấp Hòa Lân, xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650.3822602 Fax: 0650.3823922
- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất.**
Địa chỉ: Số 9, Hoàng Văn Thụ, Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650. 3832614-3832615 Fax: 0650. 3832616
- **Chi Nhánh Công Ty Cổ phần Chứng Khoán Đệ Nhất tại TP. Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 05, TP Hồ Chí Minh.
Điện Thoại: 08. 38552023 Fax: 08.38537932

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Lục Thanh Sang**

Số điện thoại: **0650. 3717070-0903344979**

CONG TY CO PHAN KHOANG SAN VA XAY DONG BINH DONG

(Giay chong nhan Nang ky kinh doanh va Nang ky thue so 3700148825 do So Ke Hoach va Nau To
Tanh Binh Dong cap ngay 20 thang 01 nam 2009)

NIEM YET CO PHIEU

TREN SO GIAO DICH CHONG KHOAN TP. HO CHI MINH (HOSE)

- | | |
|---------------------------|---|
| • Ten co phieu: | Co phieu cong ty co phan khoang san va xay
dong Binh Dong. |
| • Loi co phieu: | co phieu pho thong |
| • Menh gia: | 10.000dong/co phan |
| • Tong so loong niem yet: | 10.700.000 co phan |
| • Tong gia tro niem yet: | 107.000.000.000 dong |

TO CHOC TO VAN NIEM YET:

Cong Ty Co Phan Chong Khoan Nê Nhat

Nha ch: So 9, Hoang Van Thu, Khu No To Chanh Nghia, To xa Thu Dau Mot, Tnh Binh
Dong,

Nien thoai: 0650.3832615

Fax: 0650.3832616

TO CHOC KIEM TOAN:

CONG TY TNHH DELOITTE VIET NAM

Nha ch: Lau 11, Trung Tam Thong mai Sai Gon.

So 37, Ton Nock Thang, Quan 1, TP. Ho Chi Minh

Nien Thoai: 08.39100751

Fax: 08.39100750

11. Chính sách cơ sở.....	38
12. Tình hình tài chính.....	38
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	42
14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	54
15. Kế hoạch lợi nhuận và cơ sở năm tiếp theo.....	54
16. Năng lực của tổ chức tổ chức và kế hoạch lợi nhuận và cơ sở	57
17. Thông tin về những cam kết những thách thức hiện của tổ chức niêm yết.....	57
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết	57
8 Cổ phiếu niêm yết.....	57
1. Loại cổ phiếu	57
2. Mệnh giá.....	57
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	57
4. Số vốn cổ phiếu bù hạn chế chuyển nhượng.....	57
5. Giá đỡ kiến niêm yết	58
6. Phương pháp tính giá.....	58
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ nội ngoại	59
8. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	59
9. Các loại thuế có liên quan	59
9 Các nội dung liên quan tới việc niêm yết	60
10 Phụ lục.....	60

NOI DUNG BAN CAO BACH

I. CAC NHAN TO RUI RO ANH HÖÔNG NĒN GIA CO PHIEU NIEM YET:

1. Rui ro ve kinh te:

Tốc độ tăng trưởng hàng năm là thước đo sự phát triển của mọi nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng riêng của các ngành nghề. Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là phát triển tốt với tốc độ tăng trưởng từ năm 2003 đến 2008 lần lượt là 7,23 %, 7,7%, 8,4%, 8,17 %, 8,48% 6,23%. Với tốc độ tăng trưởng như thế đã nói lên nhu cầu đầu tư của xã hội là rất lớn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng.

Tuy nhiên trong năm 2008, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hiện nay, tuy đã có dấu hiệu suy yếu, nhưng những tác động của khủng hoảng vừa qua đến lĩnh vực xây dựng còn rất nặng nề và không dễ khắc phục trong thời gian ngắn. Dự báo trong thời gian tới, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng – bất động sản sẽ gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

Là đơn vị sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm cung cấp cho lĩnh vực xây dựng và trực tiếp thi công các công trình cũng như kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (BIMICO) cũng gặp những khó khăn tương tự trong hoạt động trong thời gian tới.

Ngoài ra, Với việc gia nhập WTO hội nhập cùng kinh tế các nước từ năm 2007, sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết nhưng đồng thời cũng sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn về giá cả, chất lượng dịch vụ, thị phần... đối với các doanh nghiệp trong nước.

Thêm vào đó khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự sụt giảm của thị trường chứng khoán thế giới ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán trong nước, làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

2. Rui ro ve luat phap: la mot Doanh nghiệp hoạt ñong theo mo hình công ty có phan, Công ty chòu sở ñieu chỉnh bởi các quy ñình pháp luật về Công ty có phan (Luật Doanh Nghiệp), chống khoan và thò tröông chống khoan (Luật Chống Khoan), Thue (Thu Nhập Doanh Nghiệp), lónh vöc hoạt ñong (Luật Khoang san, Luật môi tröông) nen trong qua trình hoan thien, thay ñoi các văn bản pháp luật sẽ làm ảnh hưởng ñến hoạt ñong và hieu qua kinh doanh của Công ty.

3. Rui ro ñac thu: Hien nay công ty hoạt ñong với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, tuy nhiên doanh thu chính của Công ty hình thành từ lónh vöc khai thác khoáng san. Ban than ngành nghề khai thác khoáng san có những rủi ro tiềm ẩn rất cao về trở löông, ham löông khoáng, ñieu kiện khai thác (lo thiên và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) tác ñong ñến môi tröông sông, hạ tầng kỹ thuật khu vực khai thác, môi tröông ñô thò, ...vv...nen bất cứ rủi ro nào nếu xảy ra ô nhiễm ñều nghiêm trọng ñều có thể ñan ñến nguy cơ bị ñóng cửa mô. Ảnh hưởng ñến hieu qua hoạt ñong của Công ty. Ngoài ra các hoạt ñong sản xuất và kinh doanh ñịch vụ khác trong thời gian qua của công ty còn mang tính nhỏ lẻ, ty trọng thò phan thap, chöa có thể mạnh trên thò tröông nen sức cạnh tranh còn yếu.

4. Rủi ro làm phát: với tình hình làm phát trong quy 1/2009 là 14.47% so với cùng kỳ năm 2008 và dỡ bảo ty lệ làm phát cả năm khoảng 15% (*): Giá cả vật tở, nhiên liệu, chi phí nhân công ñầu vào liên tục gia tăng tở ñầu năm trong lúc giá bán sản phẩm dõch vụ tăng chậm so với tỷ lệ làm phát sẽ làm hiệu quả hoạt ñộng của Công ty bở ảnh hưởng ñang ke.
(*): theo CIEM.
5. Rủi ro khác: Rủi ro về các yếu tố bất khả kháng nhỏ: thiên tai, dõch bệnh, khủng bố, chiến tranh, ..v.v..... luôn xảy ra ở các ñịa, các ñộc khác nhau trên thế giới hiện nay. Do ñó, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng ñến tình hình và kết quả hoạt ñộng của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỜU TRÁCH NHIỆM CHÍNH NỘI VỚI NỘI DUNG BAN CAO BẠCH

1. Tổ chức nhiệm yet:

Ông: Trần Ñĩnh Hai Chức vụ: Chủ tịch Hội ñồng quản trò, Tổng Giám Ñốc Công ty
Ông: Lục Thanh Sang Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Quang Nhỏt Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi ñảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Ban cao bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi ñộc biết, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tổ vãn:

Ñại diện theo pháp luật: Ông Trần Thiên The

Chức vụ: Tổng Giám Ñốc

Ban cao bạch này là một phần của hồ sơ ñăng ký nhiệm yet, do Công ty Cổ Phần Chõng Khoan Ñe Nhỏt tham gia lập trên cơ sở hợp ñồng tổ vãn với Công ty cổ phần Khoang San và Xây ðồng Bình ðồng. Chúng tôi ñảm bảo rằng việc phân tích, ñánh giá và lựa chọn ngôn tở trên Ban cao bạch này ñã ñộc thực hiện một cách hợp lý và can trọng ðưa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Khoang San và Xây ðồng Bình ðồng cung cấp.

III. CÁC KHAI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Khoang san và Xây ðồng Bình ðồng
Tổ chức nhiệm yet	Công ty Cổ phần Khoang san và Xây ðồng Bình ðồng
Tổ Chức tổ vãn	Công Ty Cổ Phần Chõng Khoan Ñe Nhỏt
BIMICO	Tên giao dõch của Công ty Cổ phần Khoang san và Xây ðồng Bình ðồng
ÑHÑCÑ	Ñại hội ñồng cổ ñồng
HÑQT	Hội ñồng quản trò
UBCKNN	Ủy ban Chõng Khoan Nha ñộc
CÑÑKKD	Chõng nhận ñăng ký kinh doanh
NMG	Nhà máy gạch
PX	Phan xõng
HOSE	Số giao dõch chõng khoán Tp.HCM

IV. TÌNH HÌNH VÀ NỘI DUNG NIÊM YẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1993 và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/05/2006 với vốn điều lệ là 70.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Capital increase của công ty vào năm 2008 để tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 107.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 344/UBCK-GCN ngày 17/10/2008 của UBCKNN.

1.1 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Số 4603000226 ngày 27/04/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu.
- Số 3700148825 ngày 20/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần thứ 2 (thay đổi lần thứ nhất).

1.2 Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- § Tham gia, khai thác, chế biến khoáng sản.
- § Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nước uống tinh khiết, các loại thép hình, cấu kiện bê tông.
- § Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp.
- § Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật mìn, công trình giao thông, xây dựng dân dụng.
- § Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và dịch vụ khác.

1.3 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

- § Sản xuất xây dựng các loại.
- § Cao lanh nguyên khai, cao lanh chế biến, set gạch ngói, cát.
- § Công bê tông đúc sẵn.
- § Nước uống tinh khiết các loại.
- § Bất động sản: khu công nghiệp Nhat Cuoc.
- § Dịch vụ vận tải, quản lý mỏ, nhà ô công nhận và các dịch vụ khác.

2. Giới thiệu về công ty:

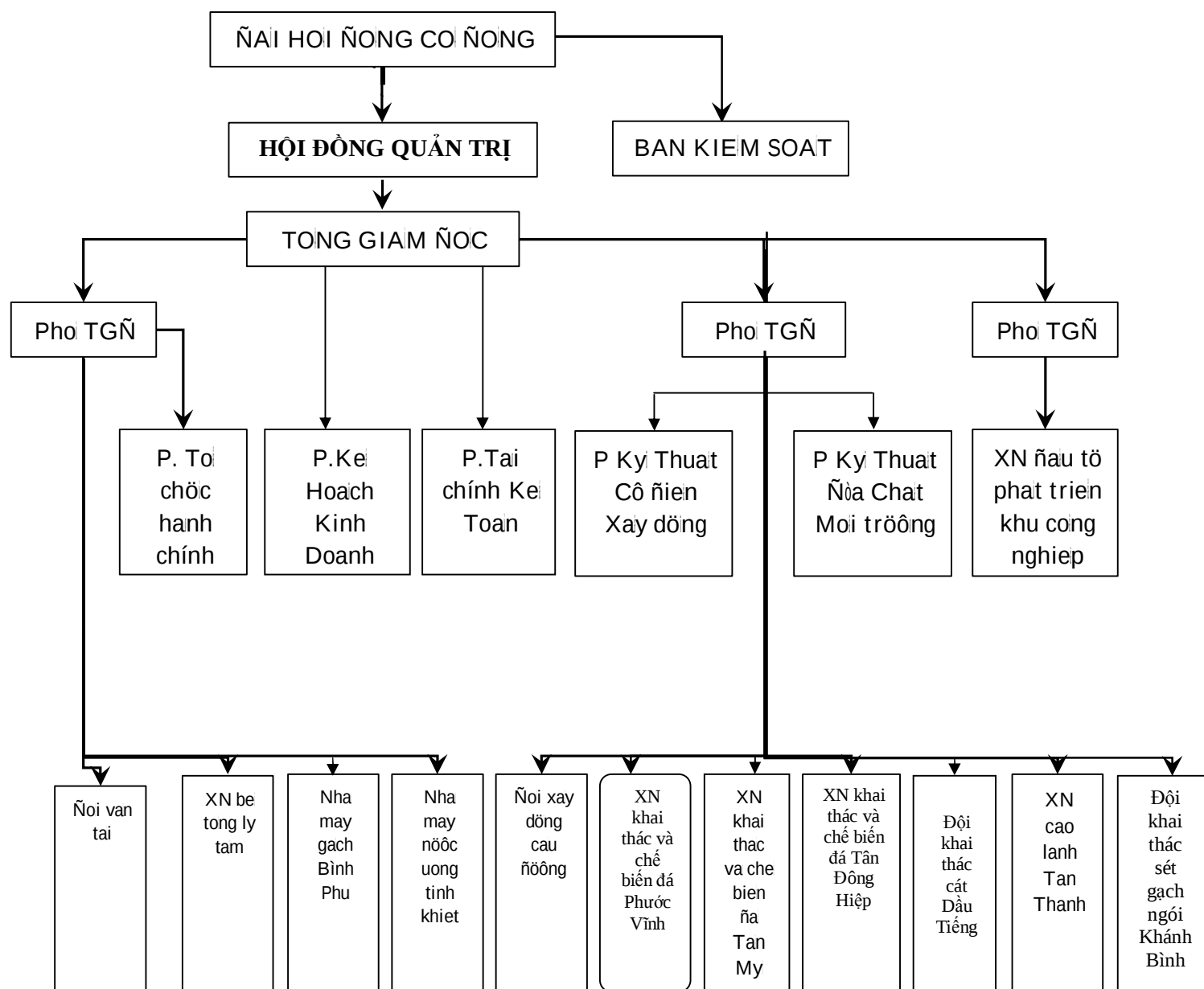
- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOANG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
- Tên tiếng Anh: BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT – STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: BIMICO
- Biểu tượng của công ty: 
- Vốn điều lệ hiện tại: 107.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Núi Lơ Bình Dương, Ấp Hoa Lan, xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650.3822602
- Fax: 0650.3823922

- Email: Ksb@hcm.vnn.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4603000226 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Đồng cấp ngày 27 tháng 04 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (thay nội lần 1) số 3700148825 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Đồng cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009.





3. Cấu trúc tổ chức công ty



3.1. Nại hoi nông công ty:

1. Nại hoi nông công ty gom tất cả công ty con quyền biểu quyết, là công ty con quyền nhất của công ty
1. Nại hoi nông công ty thông lệ có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng quản trị công ty có thẩm quyền và bất thẩm quyền qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mốc cổ tức thanh toán hàng năm cho mọi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mốc cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Hội đồng cổ đông;
 - c. Số lương thanh viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
 - f. Tổng số tiền thu lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thu lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lương cổ phần mới sẽ được phát hành cho mọi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sang lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tách rời và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển đổi thành lập;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua cổ phần từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành không thôi làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 3.2. Hội đồng quản trị công ty:
 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng cổ đông.
 2. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Hội đồng cổ đông.
 3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

4. Quyen va nghóa vu cua Hoi ñong quan trò do luat phap, Ñieu le, cac quy che noi bo cua Cong ty va quyét ñònh cua Ñai hoi ñong co ñong quy ñònh. Cu the, Hoi ñong quan trò co nhöng quyén han va nhien vu sau:
 - a. Quyét ñònh ke hoach phat trien san xuat kinh doanh va ngan sach hang nam;
 - b. Xac ñònh cac muc tieu hoat ñong tren cô sô cac muc tieu chien löôc ñöôc Ñai hoi ñong co ñong thong qua;
 - c. Bo nhien va bai nhien cac can bo quan ly cong ty theo ñe nghò cua Giam ñoc hoac Tong giam ñoc ñieu hanh va quyét ñònh möc löông cua ho;
 - d. Quyét ñònh cô cau to chöc cua Cong ty;
 - e. Giai quyét cac khieu nai cua Cong ty ñoi vöi can bo quan ly cung nhö quyét ñònh löa chon ñai dien cua Cong ty ñe giai quyét cac van ñe lien quan tô cac thu tuc phap ly chong lai can bo quan ly ño;
 - f. Ñe xuat cac loai co phieu co the phat hanh va tong so co phieu phat hanh theo töng loai;
 - g. Ñe xuat viec phat hanh trai phieu, trai phieu chuyen ñoi thanh co phieu va cac chöng quyén cho phep ngöôi sô höu mua co phieu theo möc gia ñònh tröôc;
 - h. Quyét ñònh gia chao ban trai phieu, co phieu va cac chöng khoan chuyen ñoi;
 - i. Bo nhien, mien nhien, cach chöc Giam ñoc hoac Tong giam ñoc ñieu hanh hay can bo quan ly hoac ngöôi ñai dien cua Cong ty khi Hoi ñong quan trò cho rang ño la vì löi ích toi cao cua Cong ty. Viec bai nhien noi tren khong ñöôc trai vöi cac quyén theo hôp ñong cua nhöng ngöôi bö bai nhien (neu co);
 - j. Ñe xuat möc co töc hang nam va xac ñònh möc co töc tam thoi; to chöc viec chi tra co töc;
 - k. Ñe xuat viec tai cô cau lai hoac giai the Cong ty.
 - l. Nhien vu va quyén han khac theo quy ñònh tai Ñieu le Cong ty.

3.3. Ban kiem soat cong ty:

1. Ban kiem soat la to chöc thay mat co ñong ñe kiem soat moi hoat ñong kinh doanh, quan trò va ñieu hanh cua Cong ty.
2. Kiem tra tính hôp ly, hôp phap trong quan ly, ñieu hanh hoat ñong kinh doanh, trong ghi chep so ke toan va bao cao tai chính cua Cong ty.
3. Kiem tra bao cao tai chính hang nam, 06 thang va hang quy ñe trình Hoi ñong quan trò; kiem tra töng van ñe cu the lien quan ñien quan ly, ñieu hanh hoat ñong cua Cong ty khi xet thay can thiet hoac theo quyét ñònh cua Ñai hoi ñong co ñong, hoac theo yeu cau cua co ñong hay nhom co ñong sô höu tren 10% so co phan pho thong trong thoi han lien tuc ít nhât 06 thang.
4. Xem xet nhöng ket qua ñieu tra noi bo va y kien phan hoi cua Ban quan ly Cong ty.
5. Xem xet bao cao cua Cong ty ve he thong kiem soat noi bo tröôc khi Hoi ñong quan trò chap thuan.
6. Thöông xuyen thong bao vöi Hoi ñong quan trò ve ket qua hoat ñong, tham khao y kien cua Hoi ñong quan trò tröôc khi trình cac bao cao, ket luan, kien nghò len Ñai hoi ñong co ñong.

7. Báo cáo Nại hội đồng cơ sở về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chống tố và lập sơ đồ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
10. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cùng với mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
11. Xem xét thẩm quyền quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
12. Nỗ lực Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chế độ công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sở rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.
13. Nỗ lực yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
14. Không nỗ lực tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gian lận trong hiệu quả hoạt động hàng ngày của Công ty.
15. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Nại hội đồng cơ sở và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thay có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật.
16. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3.4. Tổng giám đốc công ty:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nại hội đồng cơ sở, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch năm tổ của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Nại hội đồng cơ sở thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tại chính và thông mai, tổ chức và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông nhất của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị số lương và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cùng với các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tổ chức Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thu lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
5. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hiệu quả phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phụ hợp cùng với kế hoạch tài chính năm năm.
6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Nại hội đồng cơ sở và Hội đồng quản trị thông qua;

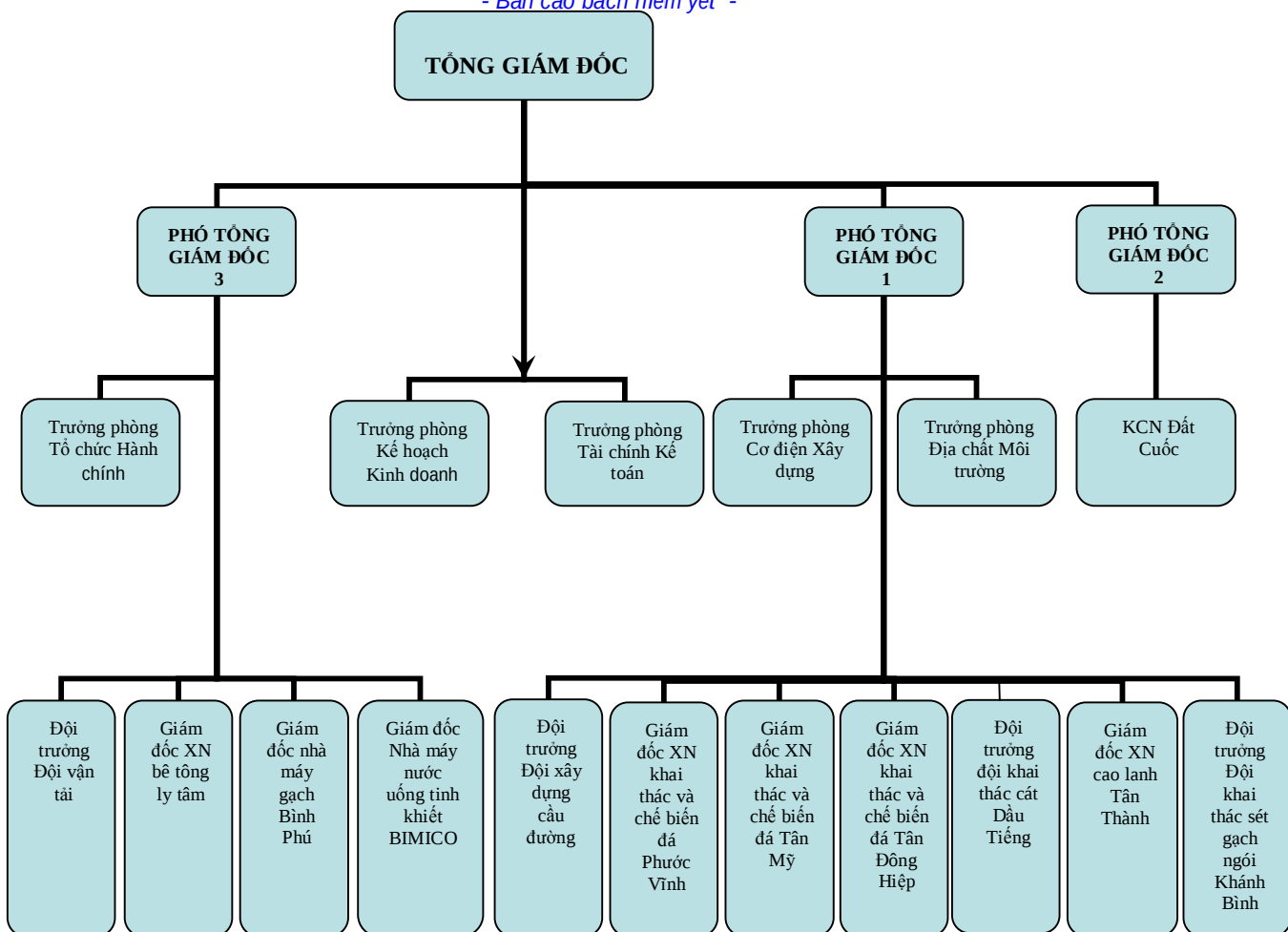
7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
8. Chuẩn bị các bản đồ toàn đại hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau này gọi là bản đồ toàn) phục vụ hoạt động quản lý đại hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản đồ toàn hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đồ kiến) cho tổng năm tài chính sẽ phải được trình về Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hội đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.
10. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3.5. Phó Tổng giám đốc:

Trong phạm vi lĩnh vực công tác được phân công, các Phó TGĐ Công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, phải tuyệt đối tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật Nhà nước có liên quan trực tiếp tới lĩnh vực công tác được phân công; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước TGĐ Công ty và trước Pháp luật Nhà nước về các quyết định của mình.
2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc thuộc lĩnh vực công tác được phân công một cách kịp thời, đúng tiến độ và có chất lượng.
3. Giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh hàng ngày trong phạm vi nhiệm vụ và lĩnh vực công tác được phân công, hoặc các vấn đề khác theo chỉ đạo của TGĐ.
4. Phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung các vấn đề về kỹ thuật sản xuất, về định mức kinh tế kỹ thuật; định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; định mức lao động trong sản xuất; các chế độ chính sách với người lao động.
5. Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của TGĐ Công ty những vấn đề phát sinh ngoài quyền hạn, ngoài phạm vi chuyên môn, ngoài các quy định, chế độ hoặc những vấn đề phức tạp, quan trọng khác.
6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và công việc thuộc lĩnh vực phân công phụ trách, những có liên quan đến lĩnh vực khác, thì phải tham khảo ý kiến của người phụ trách lĩnh vực đó trước khi ra quyết định cuối cùng.
7. Được quyền sử dụng quyền hạn của TGĐ Công ty để chỉ đạo thực hiện, giải quyết công việc thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.
8. Ký thay TGĐ Công ty các văn bản thuộc thẩm quyền của TGĐ khi được TGĐ ủy quyền và những văn bản trong phạm vi nhiệm vụ, lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:



GIỚI THIỆU CÁC NHÂN VẬT CỦA CÔNG TY:

1. KHU CÔNG NGHIỆP NÁT CÚC – HUYỆN TÂN UYÊN:



Khu công nghiệp Nhat Cuoc huyen Tan Uyen ñiêu xây dựng và kinh doanh với tổng diện tích là 212.84ha, tọa lạc ở khu vực Nông Bắc của huyện Tan uyen và cách xa Thủ Dầu Một khoảng 30km và cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 70km với trục giao thông liên quan là ñường ÑT 747.

Xí nghiệp ñầu tư phát triển Khu công nghiệp ñiêu thành lập ñể quản lý, ñiều hành và tổ chức kinh doanh tại Khu công nghiệp Nhat Cuoc.

Tổng diện tích là: 212.84 ha. Trong ñó:

Khu A: 103.94 ha, trong ñó diện tích ñất kinh doanh là: 62 ha.

Khu B: 108.90 ha, trong ñó diện tích ñất kinh doanh là: 68 ha.



2. Xí nghiệp khai thác, chế biến đá Tân Nông Hiệp:

Với diện tích khai thác là 22ha, công suất khai thác cho phép là 1,755 triệu m³/năm. Nhà Tân Nông Hiệp là mô hình tiên tiến khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng công suất 150 – 250 tấn/h. Sản phẩm chính cung cấp cho khách hàng gồm đá 1x2 (lỗ 22mm); đá 1x2 (lỗ 25mm), đá 4x6, đá 0x4, đá học với chất lượng đá đáp ứng khách hàng tín nhiệm trên 10 năm qua. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

Địa chỉ: Ấp Nông An, xã Tân Nông Hiệp, huyện Dõ An, tỉnh Bình Dõng

Điện thoại: 0650.3729860 – 3750579

Fax: 0650.3729860





3. Xí nghiệp khai thác chế biến đá Phồ Đức Vính:

Mỏ đá Phồ Đức Vính nằm cách huyện Lập Phú Giao- Tỉnh Bình Dương 4km về phía đông, do Xí nghiệp khai thác chế biến đá Phồ Đức Vính tổ chức khai thác trên diện tích 23ha /tổng diện tích quy hoạch mỏ 55ha; công suất khai thác 1 triệu m³/năm. Đây là mỏ loại tiên, loại đá granodiotit, mỏ khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiêng sang 150 – 250 tấn/h.

Sản phẩm chính cung cấp cho khách hàng gồm đá xây dựng các loại 1x2, đá 4x6, đá 0x4, đá 5x7, đá 20x30, đá hộc lớn chất lượng tốt và ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho ngành xây dựng, cầu đường.

Nơi chôn: Khu phố 3, thôn trấn Phồ Đức Vính, huyện Lập Phú Giao, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650.3215236

Fax: 0650.3823922

4. Xí nghiệp khai thác chế biến đá Tân Mỹ:

Xí nghiệp khai thác chế biến đá Tân Mỹ được thành lập năm 2008, để quản lý và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đá tại mỏ đá Tân Mỹ nằm ở phía bắc bên bờ Ba Mieu 3.5km (thuộc sông Nông Nai). Đây là mỏ mới phát triển, hiện nay đã tổ chức khai thác 10ha / quy mô 45ha, sản lượng khai thác dự kiến 540.000m³/năm, Về mặt công nghệ tính :đây là mỏ có loại đá cát kết biến chất nhẹ của hệ tầng Draylinh (J1dl), công nghệ khai thác tự nhiên >

Nội và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

- 19 -

Nội và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nhất Nhất

- Ban cao bach niem yet -

400kg/cm², hàm lồing chat co hai SO≤3% nen vì the cac loai san pham ña Tan My ñu tieu chuan cho vat lieu xay dõng thõng thõng.

5. Nhà máy nước tinh khiết đóng chai BIMICO:

Nõõc uõng BIMICO co ñõ tinh khiẽt hoan hao ñõõc san xuat tõ nõõc ngam tang sau, cong nghe tien tien cua My, ñau do pH tõ ñõng, loc RO, he thõng ñõng chai tõ ñõng, moi trõõng trong sach. San pham ñõõc trung tam Quacert giam sat chat lồing theo tieu chuan TCVN 6096:2004 va quan ly theo tieu chuan ISO 9001:2000.

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650.3747518

Fax: 0650.3823922



Nhân và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

- 21 -

Nhân và tổ chức:

Công ty Chở khoan Nhé Nhất



Nhân viên phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

Nhân viên tổ vận:

Công ty Chở khoan Nể Nhất

6. Xí nghiệp cao lanh Tân Thành:

Xí nghiệp cao lanh Tân Thành quản lý và hiệu hành hoạt động sản xuất kinh doanh cao lanh tại các mỏ cao lanh Tân Lập, mỏ cao lanh Suối Voi, xống cán lọc và ép cao lanh, xống xay nghiền bột cao lanh các loại. Sản phẩm của xí nghiệp phục vụ cung cấp cho các nhà máy ceramic và dùng làm chất nền công nghiệp

Nhà chế: Xã Nát Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Niên thoại: 0650.3682362 – 3682164

Fax: 0650.3823922



7. Đội khai thác sét gạch ngói Khánh Bình:

Tổ chức khai thác và tiêu thụ sét gạch ngói có nguồn gốc trầm tích tại mỏ Khánh Bình. Công suất khai thác cho phép là 200.000m³/năm, sản phẩm bao gồm các loại sét vàng, sét trắng, sét trắng nỏ dùng làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói, gạch gom, ..v..v.....

Nhà chủ: Ap Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương



8. Nhà máy gạch Tuynel Bình Phú:

Nhà máy gạch Tuynel Bình Phú có công suất thiết kế ban đầu là 25 triệu viên/năm với hệ thống chế biến tạo hình của hãng Technos Hàn Quốc và công nghệ nung sấy của Bungari. Năm 2009, nhà máy nâng công suất lên 45 triệu viên/năm.

Các sản phẩm của nhà máy gạch Bình Phú đã đạt về chủng loại, màu sắc tiếp nhận trung tâm Quacert giám sát và chứng nhận theo tiêu chuẩn TCVN 145 : 1998, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000.

Nhà chủ: Ap Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Niên thoại: 0650.3652298

Fax: 0650.3652298



Nhân và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

- 24 -

Nhân và tổ vãn:

Công ty Chứng khoán Nể Nhất



Nhân và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

- 25 -

Nhân và tổ chức:

Công ty Chở khoan Nhé Nhất

K S B
BIMICO

SẢN PHẨM CHÍNH



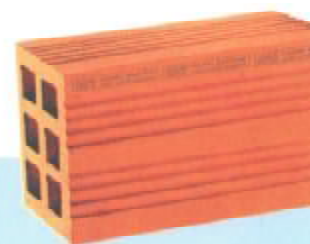
Gạch 4 lỗ (G01)



Gạch Demi 4 lỗ (G02)



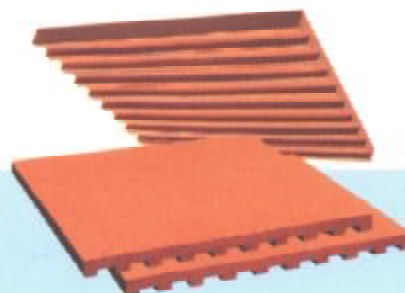
Gạch Đinh (G03)



Gạch 6 lỗ (G04)



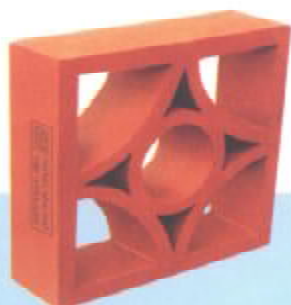
Gạch 10 lỗ (G05)



Gạch tàu có chân (G06)



Gạch tàu không chân (G07)



Gạch đồng tiền (G08)



Ngói 22 (G09)



Gạch bánh ú (G10)

Nhân và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoang san & Xây dựng Bình Dương

- 26 -

Nhân và tô van:

Công ty Chông khoan Nễ Nhạt

9. Xí nghiệp sản xuất cống bê tông ly tâm:

Xí nghiệp sản xuất công cộng bê tông ly tâm với công suất ban đầu 60.000m³/năm, nhà máy công ty đầu tư nông nghiệp với trạm trộn bê tông với năng suất 20m³/h, hệ thống dây chuyền nghiền, cán trục 16 tấn và 20 tấn, lò hơi áp lực, cầu và xe vận chuyển chuyên dụng. Dòng sản phẩm bao gồm công các loại có kích thước: 300, 400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 2000 mm. Xí nghiệp nhà áp dụng hệ thống tiêu chuẩn.

Nhà máy: Nhà máy Bình Đông, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650.3716250 Fax: 0650.3823922



10. Đội xây dựng cầu đường:

To chức thi công xây dựng các công trình nội bộ và bên ngoài.

Nhà chủ: Nhà ở Bình Dương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NT: 0650.3716250

Fax: 0650.3823922

11. Đội vận tải:

Nhổc thành lập để vận tải khoi lỗông hàng hóa của công ty giao nhận chẵn công trình và vận tải ngoài xã hội. Tổng số với 14 xe chuyên dụng.

Nhà chủ: Nhà ở Bình Dương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NT: 0650.3716250

Fax: 0650.3823922

12. Đội khai thác cát Dầu Tiếng

Nhổc thành lập để chức khai thác cát trên lòng hồ Dầu Tiếng, đây là loại cát có màu vàng, hạt nhỏ, thích hợp với các công trình xây dựng nhổc hình thành trong quá trình bồi lắng hàng năm (ổc tính 40 – 50 ngàn m³/năm) do dòng chảy của sông Sài Gòn về hồ Dầu Tiếng. Tổng trữ lượng tiềm năng theo ổc tính là 1.2 triệu m³. Hiện nay, cát nhổc khai thác nhằm cung cấp cho các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh và Bình Dương. Tổng diện tích tham do nhổc cấp: dài 4km và rộng 100ha.

Nhà chủ: xã Minh Hoa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/09/2009:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (30/09/2009):

Đơn vị: 10.000 đồng/cổ phần

S T T	Cổ đông	Số CMND/GCN KKD	Nhà chủ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Nầu tố và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	0106000737	Số 15A Trần Khánh Dư, Q. Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	5.355.000	50.05%
2	Quy nầu tố CK VF1		Lầu 10, Tòa nhà Center Plaza, số 17 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM	1.072.800	10.03%
3	PXP Vietnam Fund LTD	CR-125492	Lầu 6, Tòa nhà Operaview 161 Nồng Khôi, Q1, TP.HCM	706.147	6.60%
Tổng số				7.133.947	66.68%

Cô cấu cổ ỹng của Công ty (tại thời ỹm 17/09/2009)

STT	Cổ ỹng	Số số phan nam ỹ	Tỷ lệ nam ỹ
1	Cổ ỹng Nha nũc	5.355.000	50.05%
2	Cổ ỹng trong nũc:	3.882.728	36.28%
	Cổ ỹng ca nhan	980.100	9.16%
	Cổ ỹng to chũc	2.902.628	27.12%
3	Cổ ỹng nũc ngoai:	1.462.272	13.67%
	Cổ ỹng ca nhan	50.000	0.47%
	Cổ ỹng to chũc	1.412.272	13.20%
	Tong cong	10.700.000	100,00%

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chũc niêm yết: Không có.

7. Hoạt ỹng kinh doanh:

7.1. Sản lũng sản phẩm/ giá trị dũch vũ qua các năm:

DOANH THU CÁC BỘ PHAN KINH DOANH

Ỗn vò : 1.000 ỹng

Bộ phan	Nam 2007		Nam 2008		30/09/2009	
	Gia trị	Tỷ trọng (%)	Gia trị	Tỷ trọng (%)	Gia trị	Tỷ trọng (%)
Khai thác và chế biến khoáng sản	180.710.359	68.23	236.952.503	70.17	172.066.419	73.38
Sản xuất, kinh doanh các loại VLXD và nũc ương tỉnh khiết ỹng chại	50.330.092	19.00	60.034.624	17.78	37.926.975	16.17
Xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh khu công nghiệp Ỗn Nhất Cũc	1.204.903	0.45	5.844.266	1.73	3.374.384	1.44
Kinh doanh các loại VLXD và hoạt động khác	32.637.687	12.32	34.846.524	10.32	21.112.143	9.00
Tong Cũg	264.883.041	100	337.677.917	100	234.479.921	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính ỹn kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Ỗn vò phát hành:

Công ty Cổ Phan Khoang sản & Xây dựng Bình Dũng

Ỗn vò tổ vãn:

Công ty Chũng khoan Ỗn Nhất

Ghi chú: Doanh thu các hoạt động khác bao gồm cả Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.

CÔNG CẤU LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY

Đơn vị: 1.000 đồng

Bộ phận	Năm 2007		Năm 2008		30/09/2009	
	Gia trị	Tỷ trọng (%)	Gia trị	Tỷ trọng (%)	Gia trị	Tỷ trọng (%)
Khai thác và chế biến khoáng sản	33.974.079	72.89	61.030.238	72.44	50.985.729	75.44
Sản xuất, kinh doanh các loại VLXD và nước uống tinh khiết đóng chai	9.077.861	19.48	10.755.613	12.77	7.732.018	11.44
Xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh khu công nghiệp Nhất Cửu	319.829	0.69	570.354	0.68	313.614	0.46
Kinh doanh các loại VLXD và hoạt động khác	3.238.953	6.95	11.891.211	14.11	8.549.439	12.65
Tổng Cộng	46.610.722	100	84.247.416	100	67.580.800	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

7.2. Nguyên vật liệu

– Nguồn nguyên vật liệu:

- Hoạt động sản xuất chủ yếu của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản nên trở lỗ và giấy phép khai thác là vấn đề rất quan trọng với tình hình hoạt động của Công ty.
- Các hoạt động khai thác cao lanh, sét, sản xuất gạch ngói đều có các mô hình trở lỗ khai thác tối thiểu 05 năm hoặc trình bày theo bảng dưới đây.

STT	NỘI DUNG	NƠI CHẾ	DIỆN TÍCH (m ²)	HÌNH THỨC	NGÀY CẤP	THỜI GIAN KHAI THÁC	TRỞ LỖ (M ³)		
							Cấp phép	Nơi khai thác	Con lại
1	Mỏ đá Tan Nông Hiệp	Ap Nông An, xã Tan Nông Hiệp, Dó An, Bình Dương	228.159	Thuê	10/06/2009	4 năm 6 tháng	6.294.181	375.745	5.918.436
2	Mỏ đá Phước Vĩnh	Thị trấn Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương	132.650	Thuê	12/10/2006	8 năm	3.445.186	1.335.678	4.384.208
			90.980	Thuê	03/02/2005	7 năm	2.274.700		

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Đơn vị tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nhất Nhất

3	Mo ña Tan My B	Xa Tan My, Tan Uyen, Bình Dông	96.422	Thue	20/06/2008	8,5 nam	2.378.423	7.454	2.370.969
---	----------------	--------------------------------	--------	------	------------	---------	-----------	-------	-----------

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận: do hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nên đối tượng sản xuất của Công ty là tài nguyên thiên nhiên nằm ở dạng quặng mỏ. Vì vậy chi phí nguyên vật liệu của công ty chủ yếu là chi phí nhiên liệu dùng cho việc khai thác. Các chi phí này tập trung chủ yếu gồm các chi phí về xăng dầu, điện, vật liệu nổ, các loại vật liệu phụ khác...v.v.... Từ đó, biến động giá đầu vào của các loại vật liệu này sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty.

7.3. Tình hình ñất ñai do Công ty ñang quản lý:

STT	NOI DUNG	ÑÒA CHẾ	DIEN TÍCH (m ²)	HÌNH THỐC	NGAY CAP	THỜI GIAN KHAI THAC
1	Van phong Cong ty	Xa Thuan Giao, Thuan An, Bình Dông	17.515	Thue	28/12/2001	38 nam
2	Khu cong nghiep	Xa Ñat Cuoc, Tan Uyen, Bình Dông	2.114.791			
2.1	Khu A		1.022.729	Giao	13/05/2005	49 nam
2.2	Khu B		1.092.062	Thue	24/08/2007	49 nam
3	Mo ña Tan Ñong Hiep	Ap Ñong An, xa Tan Ñong Hiep, Dó An, Bình Dông	228.159	Thue	10/06/2009	4 nam 6 thang
4	Mo ña Phôôc Vính	Thò tran Phôôc Vính, Phu Giao, Bình Dông	132.650	Thue	12/10/2006	8 nam
			90.980	Thue	03/02/2005	7 nam
5	Mo ña Tan My B	Xa Tan My, Tan Uyen, Bình Dông	96.422	Thue	20/06/2008	8,5 nam
6	Mo cao lanh Tan Lap	Xa Tan Lap, Tan Uyen, Bình Dông	119.401	Thue	19/10/1999	22 nam
7	Mo set Khanh Bình	Xa Tan Hiep, Tan Uyen, Bình Dông	86.299	Thue	10/09/2002	10 nam
8	Nha may gach Bình Phu	Xa Tan Hiep, Tan Uyen, Bình Dông	41.632	thue	05/04/2002	38 nam
	Tong Cong		2.927.849			

7.4. Trình ño công nghe: Công nghe khai thác ña của các doanh nghiệp Viet Nam hiện nay chủ yếu dựa trên công nghe của Nga và Ucraina, các máy móc thiết bị ñều ñược nhập từ 02 ñốc

Tỷ trọng các khoản mục chi phí / Doanh thu thuần

Chi phí	Nam 2007		Nam 2008		30/09/2009	
	Gia trị	%/DT thuan	Gia trị	%/DT thuan	Gia trị	%/DT thuan
Gia von hang ban	180.836	68.46%	202.247	61.21%	139.427	60.48%
Chi phí ban hang	24.419	9.24%	33.258	10.01%	16.292	7.07%
Chi phí quan ly doanh nghiep	12.562	4.76%	17.277	5.23%	10.941	4.74%
Chi phí hoạt ñong tai chính	387	0.15%	376	0.11%	0	0

7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: ngoài hoạt động kinh doanh khai thác đá, các hoạt động khác của Công ty đang hướng tới nhằm đa dạng hóa sản phẩm. Cụ thể với việc gạch lát trung nghiên cứu sản xuất gạch, ngôi trang trí phục vụ nhu cầu xây dựng, ngoài dạy chuyên sản xuất bê tông theo công nghệ lý tưởng trong năm 2008 sẽ hướng tới thêm dạy chuyên sản xuất bê tông nhồi bông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng.

- Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng: ISO 9001 phiên bản 2000;
- Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty: Bộ Phận KCS của Công ty thiết kế và vận hành.

7.8. Hoạt động Marketing: Do đặc thù sản phẩm của Công ty là vật liệu chính của ngành xây dựng nên phân khúc khách hàng của Công ty là các khách hàng mua số, khách hàng cá nhân mua lẻ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cấu trúc doanh thu toàn công ty. Vì vậy hoạt động marketing của công ty không nhằm vào nội tiêu đồng nội tiêu cuối cùng mà chủ yếu là các Tổng Công ty (Công ty) xây dựng lên qua các các hội nghị khách hàng nội tiêu chào hàng năm. Nội tiêu lĩnh vực này tổ Khu Công Nghiệp, Công ty năng tổng bóc hình thành mang lĩnh marketing nên các nhà này tổ nội tiêu ngoại cơ như các này tổ vào Bình Dương. Tất nhiên về mang lĩnh marketing của Công ty không thể nào so sánh nội tiêu với hệ thống tiếp thị này tổ của các doanh nghiệp chuyên ngành trong lĩnh vực này trên nhà Bình Dương nhờ BECAMEX, VSIP... những phải nắm bắt tiến bộ lập này theo các đồ án do công ty thực hiện.

7.9. Nhận hiệu thương mại: Công ty này đang ký nhận hiệu thương mại cho nước uống tinh khiết với tên gọi BIMICO.

7.10. Các hợp nông lâm ngư nghiệp thực hiện hoặc đã ký kết:

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Sản phẩm	Nội dung trong hợp đồng
HĐ bán đá xây dựng	15.000.000.000	03/01/2009-31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty cổ phần Bê tông Becamex
HĐ bán đá xây dựng	15.000.000.000	03/01/2009-31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
HĐ bán đá xây dựng	11.200.000.000	03/01/2009-31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
HĐ bán đá xây dựng	15.000.000.000	03/01/2009-31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty TNHH Xi măng Hoa An I
HĐ bán gạch xây dựng Tuynel	681.000.000	07/01/2009-31/12/2009	Gạch Tuynel	Công ty CP Lâm sản XNK tổng hợp Bình Dương (Genimex)
HĐ bán gạch xây dựng Tuynel	1.272.000.000	31/01/2009-31/12/2009	Gạch Tuynel	Công ty CP Lâm sản XNK tổng hợp Bình Dương (Genimex)
HĐ bán gạch xây dựng Tuynel	1.140.000.000	08/01/2009-31/12/2009	Gạch Tuynel	Công ty CP Nấu đồ và Xây dựng Tây Hồ
HĐ bán gạch xây dựng Tuynel	828.000.000	02/04/2009-31/12/2009	Gạch Tuynel	Công ty CP Nấu đồ và Xây dựng Tây Hồ
HĐ bán bột cao lanh	3.600.000.000	02/01/2009-31/12/2009	Bột cao lanh	Nhà máy phân bón Hiệp Phước
HĐ bán xi măng xây dựng các loại	30.000.000.000	03/01/2009– 31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty TNHH xây dựng Lê Phan
HĐ bán xi măng xây dựng các loại	25.000.000.000	03/01/2009– 31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty CP TM-VT và thi công công giới Hợp Nhân
HĐ bán xi măng xây dựng các loại	8.000.000.000	15/12/2009– 31/12/2009	Xi măng đồng các loại	Công ty LD xi măng Holcom Việt Nam
HĐ bán gạch set gạch ngói	516.000.000	06/05/2009– 31/12/2009	Gạch set gạch ngói	Công ty TNHH Phông Thảo
HĐ bán công BTLT các loại	3.312.000.000	27/10/2008– 31/12/2009	Công BTLT các loại	Công ty CP Nấu đồ và Xây dựng Tây Hồ
HĐ bán công BTLT các loại	2.339.000.000	10/11/2008– 31/12/2009	Công BTLT các loại	Công ty CP Nấu đồ và Xây dựng Tây

Nhân và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

Nhân và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nê Nhất

- Báo cáo bạch niêm yết -

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Sản phẩm	Nội dung trong hợp đồng
				Ho
Hợp đồng bán công BTMT các loại	2.135.000.000	19/06/2009– 31/12/2009	Công BTMT các loại	Công ty CP làm sản phẩm XNK tổng hợp (Genimex)
Hợp đồng thuê đất KCN Nhà Công	33.782.000.000	15/10/2008	Thuê đất KCN	Công ty TNHH Hoàn Cầu
Hợp đồng thuê đất KCN Nhà Công	5.098.000.000	15/10/2009	Thuê đất KCN	Công ty TNHH Hợp Phát Gia
Hợp đồng thuê đất KCN Nhà Công	9.156.000.000	25/04/2009	Thuê đất KCN	Công ty TNHH kỹ nghệ Miền Nam
Hợp đồng bán bột cao lanh	800.000.000	02/01/2009-31/12/2009	Bột cao lanh	Công ty phân bón Bình Điền
Tổng cộng	183.859.000.000			

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm 2007, 2008 và 30/09/2009:

- a. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm 2007, 2008 và 09 tháng đầu năm 2009:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		30/09/2009	
		Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng (%) năm 2008 so với năm 2007	Giá trị	Tỷ trọng (%) năm so với năm 2008
1	Tổng giá trị tài sản	208.343	404.056	193.94%	452.380	111.96%
2	Doanh thu thuần	264.160	330.437	125.09%	230.545	69.77%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.262	83.393	180.26%	67.281	80.68%
4	Lợi nhuận khác	348	854	245.40%	299	35.01%
5	Lợi nhuận trước thuế	46.611	84.247	180.74%	67.581	80.22%
6	Lợi nhuận sau thuế	46.611	72.268	155.04%	59.062	81.73%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27.03%	27.88%			

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Đơn vị tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nền Việt

Với kết quả của thỏ trưởng chỏng khoan và thỏ trưởng bat ñỏng san cuoi nam 2007 và ñầu nam 2008 ñầu làm cho hoat ñỏng nam 2008 của Công ty có hiệu quả tăng cao so với nam 2007, Lỏi nhuận sau thuế nam 2008 của Công ty tăng hơn 55% so với nam trước, Lỏi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 42%, Lợi nhuận trên vốn lưu động đạt 9.952 đồng.

Bỏch qua những tháng đầu nam 2009, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới ñầu kéo theo sự suy giảm mạnh của nền kinh tế trong nước: các doanh nghiệp gặp khó khăn trong huy động vốn cho sản xuất, lãi suất cho vay của ngân hàng tăng cao (có thời điểm lên trên mức trên 20% / năm), thỏ trưởng bat ñỏng sản ñỏng bang ñầu khiến tốc độ ñầu tở của toàn xã hội chậm lại.

Tren ñầu ban Tỉnh Bình Dỏng và các tỉnh Ñỏng Nam Bộ vốn là thỏ phân chủ yếu của công ty cũng không có ngoại lệ nên các sản phẩm chủ yếu của công ty như gạch, ñầu, bê tông, cho thuê đất trong khu công nghiệp ... ñầu có tốc độ tiêu thụ chậm, giá bán giảm theo xu thế chung khiến hiệu quả kinh doanh trong 06 tháng đầu nam 2009 không cao.

Bỏch sang Quý 3 – 2009, do hiệu quả của các nỗ lực chỏng suy thoái của Chính phủ ñầu mang lại kết quả bỏch ñầu, tình hình kinh tế Việt Nam ñầu sang sủa hơn. Tình hình kinh doanh của Công ty vì thế cũng ñầu cải thiện ñầu ke. Số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho thấy doanh thu thuần và lỏi nhuận sau thuế 09 tháng đầu nam của công ty ñầu ñầu khá với số liệu tổng cộng là 230 tỷ đồng (kế hoạch 296 tỷ) và 59 tỷ đồng (kế hoạch 55 tỷ).

b. Những nhân tố ảnh hưởng ñầu hoat ñỏng sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

- Với những nỗ lực khắc phục suy giảm: chính phủ ñầu ñầu ra gói kích cầu hỗ trợ lãi suất trong quý 2/2009 nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tính đến nay - về cơ bản - tác dụng của gói kích cầu ñầu thể hiện rõ qua việc kiềm hãm suy thoái, thỏ trưởng chỏng khoan, thỏ trưởng bat ñỏng sản ñầu tăng trưởng mạnh. Kéo theo ñầu là tốc độ ñầu tở của nền kinh tế ñầu gia tăng dần, vốn ñầu tở nước ngoài FDI ñầu quay lại với Việt Nam. Tở ñầu việc tiêu thụ các sản phẩm của công ty - vốn phục vụ chủ yếu cho nhu cầu xây dựng – ñầu tở cơ sở hạ tầng ñầu khôi phục lại nhờ trước tạo tiền ñầu cho việc hoàn thành kế hoạch 2009 mà ñầu hội có ñồng ñầu ñầu ra.
- Việc gia hạn giấy phép khu mỏ Tân Ñỏng Hiệp đến 2013 sẽ là nhân tố quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch năm 2009 và những năm sau: với vị trí thuận lợi (tiết kiệm chi phí vận chuyển đến khu vực TP Hồ Chí Minh và các tỉnh), cơ sở tính của sản phẩm ñầu chất lượng cao (thỏa mãn mọi nhu cầu nghiêm ngặt trong quy chuẩn xây dựng), các sản phẩm của mỏ Tân Ñỏng Hiệp là cơ sở vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

- Vị thế của công ty trong ngành: Tại khu vực Ñỏng Nam Bộ, tren cơ sở kết quả hoat ñỏng trong thời gian qua và chiến lược phát triển bền vững trong thời gian tới: hiện công ty ñồng vị trí trung bình trong ngành khai thác khoáng sản khi so sánh với các Tổng Công ty lớn như Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng Biên Hòa, Tổng Công ty Vật liệu Xây Dựng Bình Dỏng (M & C) về doanh số và sản lượng hàng năm.

- Trien vong phat trien cua nganh: khi nhu cau xay dong con noi hoi va cong nghe vat lieu chóa co nót bien thì hoạt ñồng chính của công ty nội riêng và ngành khai thác khoáng sản phục vụ nhu cầu xây dựng nội chung sẽ con cô sô ñe tồn tại và phát triển ít nhất ñến năm 2013.
- Hiện nay công ty ñang tập trung ñầu tư ban ñầu nhằm tìm kiếm và khai thác các mỏ ñá môi (nhỏ Phú Giao, Tân Mỹ) ñể thay thế dần các mỏ cũ nhỏ Tân Nông Hiệp: ñây là một chủ trương hết sức ñúng đắn do vậy ñể quy hoạch phát triển ñó thờ, các mỏ ñá cũ hiện nay nằm gần các khu vực dân cư (môi) nên việc khai thác ngay càng tác ñộng ñến môi trường. Nếu không có gì thay ñổi thì lo trình ñồng của các mỏ sẽ ñộc thúc hiện vào năm 2013. Ngoài ra sau một thời gian tham do, công ty ñành ñồng sẽ ñầu tư mạnh vào lĩnh vực khu công nghiệp vốn là thế mạnh và là chủ trương của Tỉnh nhằm xây dựng Bình Dồng trở thành một trung tâm kinh tế xa hoi trong vùng với cơ cấu kinh tế Công nghiệp – Dịch vụ - Thương mại hiện ñại.
- Ñánh giá về sô phù hợp ñành ñồng phát triển của công ty với ñành ñồng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Nội với lĩnh vực ñá xây dựng (ñá khai): ñành ñồng phát triển trong giai ñoạn 2011 – 2015: cần tham do là 14 triệu m³, cần mở rộng khai thác và che biên thêm 90 ngàn m³ (theo quyết ñành số 152/2008/QÑ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tham do, khai thác, che biên và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam ñến năm 2020). Riêng tại tỉnh Bình Dồng: ñá xây dựng phân traỏ ñá ñộc tham do và khai thác ñó rất lâu tại ñà ban Đá An với trữ lố ñồng khoảng 30 triệu m³; ñá xây dựng granit ñộc phát hiện gần ñây trên ñà ban Phú Giao với tổng tiềm năng khoảng 200 triệu m³ cùng ñó ñá xây dựng cát kết trong hạ tầng Dray Linh ñá ñộc tham do và khai thác tại Tân Uyên. Với sô phân bố ñó : Công ty ñá, ñang và sẽ triển khai tham do, khai thác các mỏ ñá môi trong thời gian tới theo ñúng ñành ñồng phát triển của ngành, cùng ñó quy hoạch của Nhà nước nhằm ñảm bảo nhu cầu cung cấp ñá xây dựng trong thời gian tới không những phục vụ cho nhu cầu trên ñà ban tỉnh Bình Dồng, mà còn mở rộng cung cấp cho các tỉnh thành lân cận trong vùng kinh tế trong ñiểm phía Nam.

Nội với lĩnh vực cao lanh: trong quy hoạch chung giai ñoạn 2010 – 2015: cần tham do là 3.2 triệu tấn, và cần mở rộng khai thác, che biên thêm khoảng 35 nghìn tấn. Riêng tại Bình Dồng có khoảng 23 vùng mỏ cao lanh với trữ lố ñồng khá lớn ñang ñộc khai thác. Việc công ty tập trung khai thác, che biên sản phẩm cao lanh trong thời gian tới cung cấp nguyên liệu cho ngành gốm sứ và làm chất phụ gia công nghiệp cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Bình Dồng là ñồng ñể ñúng và phù hợp với ñành ñồng chung.

Riêng với lĩnh vực sét gạch ngói: hiện với khoảng 23 vùng mỏ sét với tổng sản lố ñồng vào khoảng 1 tỷ m³ tại ñà ban tỉnh Bình Dồng, và có nguồn gốc ñó trầm tích và phong hóa với trữ lố ñồng phong phú và phân bố nhiều nơi trong tỉnh. Phân lân các mỏ sét trên ñà ban có chất lố ñồng tốt, ngoài việc dùng làm gạch ngói thông thường, sét còn dùng ñể sản xuất các sản phẩm có giá trị cao ñó gạch ngói trang trí, gạch lát sàn, bột màu, làm phối liệu cho ngành gốm sứ, và làm chất ñốt cho nhiều ngành sản xuất khác. Hiện nay , công ty vẫn duy trì khai thác và cung cấp sét gạch ngói và duy trì ổn ñành trong thời gian tới.

Riêng với việc phát triển khu công nghiệp trong thời gian tới, ñây là ñành ñồng phát triển phù hợp với ñành ñồng phát triển chung của lĩnh vực này không chỉ trên ñà ban tỉnh Bình

Dồng ma con phu hóp vôi quy hoạch chung ve phat trien cac khu cong nghiep trong ca nồc trong thời gian tời.

10. Chính sách nôi vôi ngồi lao ñong

- Số lống ngồi lao ñong trong công ty:

Chê tiêu	Tính ñen 30/06/2009	
	Số lống (ngồi)	Tỷ lệ (tính trên tổng lao ñong)
1. Lao ñong ñi qua ñào tạo	348	84%
<i>Ñi học và trên Ñi học</i>	59	14%
<i>Trung Cap, Cao ñang</i>	54	13%
<i>Công nhân kỹ thuật</i>	235	57%
2. Lao ñong phôi thông	66	16%
Tổng Cộng	414	100%

- Chính sách ñào tạo: Hàng năm, các công nhân khai thác và vận hành máy móc thiết bị ñều ñi học Công ty cũ ñi ñào tạo tại Trường Công Nhân Kỹ thuật Xây Dồng và Vật Liệu Xây Dồng trực thuộc Tổng Công Ty Vật Liệu xây Dồng Số 1, các Cán bộ chủ chốt ñều ñi học cũ ñi ñào tạo các khoa ngành ngay về chuyên môn ñang phụ trách.
- Lống thưởng, trô cấp: ngoài lống, trong năm vào các ngày lễ lớn, hàng tháng, hàng quý Công ty ñều có chế ño thưởng phù hóp trên cơ sở căn ñoi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh. Các trô hóp om ñầu, thai sản, tang tẻ ñều có chính sách thỏa ñang. Ngoài ra ñể thu hút lao ñong nhập cũ, Công ty còn phải xây dồng nhà ô cho Công nhân nham ổn ñịnh lố lống lao ñong. Nguồn kinh phí tuy trô hóp sẽ ñi học căn ñoi tở quy phục lói, khen thưởng hoặc bảo hiểm xa hoi. Thu nhập bình quân trong năm 2008 của ngồi lao ñong là 3.600.000đ/ngồi/thang, tăng hên 16% so vôi năm 2007.

11. Chính sách côi tồc:

Năm	Năm 2007	Năm 2008
Tỷ lệ côi tồc	18%	23.5%

Tren cơ sở vốn ñều lệ hiện tại của công ty là 107.000.000.000đ, công ty kế hoạch duy trì mức côi tồc hàng năm tở 15% ñến 20% nham duy trì tính ổn ñịnh của cơ phiếu công ty trên trô hóp.

12. Tình hình hoạt ñong tại chính:

- a. Các chế tiêu cũ ban:

- Trích khấu hao TSCÑ: Việc trích khấu hao tại sản cơ ñình của Công ty ñi học thực hiện theo ñúng các quy ñịnh hiện hành tại Quyết ñinh số 206/2003/QÑ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể thời gian khấu hao của Công ty ñi học thực hiện nhô sau:

Ñi vận và phat hành:

Công ty Cổ Phan Khoang san & Xây dồng Bình Dồng

- 38 -

Ñi vận và tở vận:

Công ty Chồng khoan Ñi Nhát

Loại TSCN	Nam
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Phông tiền văn tại	6 - 10
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	5 - 12
Tài sản cố định khác	5 - 12

- Mức thu nhập bình quân: Mức thu nhập bình quân hiện nay trả cho người lao động là 3.600.000 đồng/người/tháng, xếp hạng trung bình khá so với mặt bằng thu nhập của người lao động Bình Dương.
- Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn: Công ty không có các khoản nợ quá hạn và thanh toán đầy đủ các khoản nợ ngắn hạn.
- Các khoản phải nộp theo luật định:

Đơn vị tính: đồng

STT	Thuế	Nam 2007	Nam 2008	30/09/2009
1	Thuế giá trị gia tăng	6.442.658.088	6.615.800.738	743.714.685
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.300.400	11.996.063.095	3.705.452.049
3	Thuế tài nguyên	3.289.315.403	4.218.506.017	366.312.892
4	Phí bảo vệ môi trường	6.894.244.203	5.461.748.149	105.971.566
5	Tiền sử dụng đất khu công nghiệp	17.176.439.737	0	0
6	Các loại thuế khác	947.955.764	1.504.583.566	0
	Tổng cộng	34.785.913.595	29.796.701.565	4.921.451.192

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

- Tình hình trích lập các quỹ: nhờ quy định của Điều lệ Công ty sau khi được Đại Hội Đồng Cổ đông thông qua phê duyệt. Số dư các quỹ tính đến ngày 30/09/2009 như sau:

Các quỹ	Giá trị (30/09/2009)
Quỹ đầu tư phát triển	66.660.891.317
Quỹ dự phòng tài chính	8.054.750.231
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	711.861.025
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.560.172.561
Tổng cộng	85.987.675.134

- Tình hình công nợ hiện nay:

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

Đơn vị tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nê Nhất

Các khoản phải thu của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		30/09/2009	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	44.844.298.872	-	48.647.778.573	-	47.860.053.445	-
Tra trước cho người bán	9.289.358.564	-	38.621.661.211	-	40.812.215.999	-
Các khoản phải thu khác	81.668.729	-	141.280.869	-	43.881.333	-
Tổng cộng	54.215.326.165	-	87.410.720.653	-	88.716.150.777	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Các khoản phải trả của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		30/09/2009	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	10.591.470.828	-	9.517.962.053	-	11.922.985.207	-
Người mua trả tiền trước	43.729.365.801	-	135.204.833.336	-	135.545.585.997	-
Các khoản phải nộp NN	252.997.931	-	287.411.695	-	4.921.451.192	-
Phải trả công nhân viên	3.200.811.121	-	5.030.972.677	-	3.473.024.611	-
Chi phí phải trả	292.453.000	-	558.877.769	-	194.382.000	-
Phải trả, phải nộp khác	18.607.203.219	-	75.740.833.118	-	1.391.795.968	-
Tổng cộng	76.674.301.900	-	226.340.890.648	-	157.449.224.975	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang san & Xây dựng Bình Dương

Đơn vị tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nê Nhất

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	30/09/2009
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1.31	1.00	1.39
-	Hệ số thanh toán nhanh	1.20	0.93	1.27
2	Chỉ tiêu về cấu trúc vốn			
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	0.37	0.57	0.36
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0.58	1.32	0.55
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay tổng tài sản	1.37	1.08	0.51
-	Vòng quay TSCN	7.43	4.96	1.48
-	Vòng quay vốn lưu động	3.41	2.02	3.71
-	Vòng quay các khoản phải thu	5.69	4.67	2.60
-	Vòng quay các khoản phải trả	3.19	2.15	0.87
-	Vòng quay hàng tồn kho	20.04	15.84	2.41
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế / DT thuần (%)	0.18	0.22	0.26
-	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%)	0.35	0.42	0.21
-	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản (%)	0.22	0.18	0.13
-	Hệ số LN tổ hoạt động SXKD / DT thuần (%)	0.18	0.25	0.39
5	Chỉ tiêu liên quan đến cơ cấu vốn			
-	Thu nhập trên mỗi cơ cấu vốn (đồng/cơ cấu vốn)	6.659	9.954	5.520
-	Giá trị sổ sách của cơ cấu vốn (đồng/cơ cấu vốn)	18.058	23.882	26.112

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Qua các số liệu nêu trên phản ánh, có thể nói về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (tháng 05/2006) đến nay ngày càng ổn định và có những chuyển biến theo hướng tích cực: Trong kinh doanh, doanh thu và hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước, các khoản nợ phải thu của công ty đã phần lớn được thanh toán và chủ yếu tập trung vào các khách hàng truyền thống có quan hệ trong thời gian dài, doanh nghiệp không vay nợ ngân hàng, không có nợ kho bãi, không phải tổ chức tài chính vào thời điểm chốt sổ, không phải tổ chức vào bất kỳ ngành sản phẩm nào.

ñại, nhà cửa ñể kinh doanh nên tình hình tài chính của Công ty không bù ảnh hưởng bởi những suy thoái trên thị trường chứng khoán và bất ổn sản phẩm qua.

Tuy nhiên, cũng nhờ các doanh nghiệp khác: do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới kéo theo sự suy giảm của nền kinh tế trong nước trong 06 tháng đầu năm 2009, hiệu quả hoạt động của công ty cũng bù ảnh hưởng phần nào. tuy nhiên nên thôi niêm yết tại: hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty ñã trở lại nhờ trở về, khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2009 là hoàn toàn khả thi.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Danh sách:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Hộ chiếu	Chức vụ	Số cổ phần
I	Hội đồng quản trị				
1	Trần Ñình Hải	1956	280326278	Chủ tịch	2.698.900
2	Le Hồng Thanh	1956	280473054	Thành viên	2.684.800
3	Hoàng Văn Lộc	1956	280074394	Thành viên	12.000
4	Trần Thiên Thế	1963	280473222	Thành viên	7.300
5	Trương Hữu Quyền	1963	280584877	Thành viên	195.485
II	Ban Tổng Giám đốc				
1	Trần Ñình Hải	1956	280326278	Tổng Giám đốc	2.698.900
2	Hoàng Văn Lộc	1956	280074394	Phó Giám đốc	12.000
3	Phạm Văn Hiệp	1962	280129244	Phó Giám đốc	10.100
4	Nguyễn Quang Trung	1956	280552928	Phó Giám đốc	11.550
III	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Quang Nhật	1966	280363439	Trưởng ban	4.850
2	Nguyễn Hoàng Tâm	1973	310886749	Thành viên	3.400
3	Phạm Thanh Tùng	1969	280951550	Thành viên	7.000
IV	Kế Toán Trưởng				
1	Lúc Thanh Sang	1960	280049187	Kế toán trưởng	8.150

Sơ yếu lý lịch:

I/ Hội đồng quản trị:

1. Ông Trần Ñình Hải:

- Họ và tên: TRAN ÑÌNH HẢI
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1956
- Nơi sinh: Vụ Hợp, Vụ Thư, Thái Bình
- CMND số: 280326278
- Ngày cấp: 01/12/2003

Nội vụ phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

Nội vụ tổ chức:

Công ty Chứng khoán Ñệ Nhất

- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quan hệ : An Tông, Hoài An, Bình Nhình
- Nhà chạ thông trú: 10/7 Khu phố 7, Phường Phú Hòa, thò xa Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số niện thoai liên lạc ô cò quan: 0650.822602
- Trình ño văn hóa: 10/10
- Trình ño chuyên môn: Cò nhân Luật
- Qua trình công tác :
 - 1983 – 1985 : Kế toán trưởng Sô Lam Nghiệp Song Be
 - 1985 – 1990 : Kế toán trưởng Liên hiệp các xí nghiệp gom sô Song Be.
 - 1990 – 1992 : Phó Tổng giám ñốc Liên Hiệp các XN gom sô Song Be
 - 1992 – 1993 : Giám ñốc Xí nghiệp Cao lanh gom sô Song Be
 - 1993 – 04/2006 : Giám ñốc Công ty Khoang San và Xây Dựng Bình Dương
 - 05/2006 – nay : Chủ tịch HÑQT kiêm Tổng Giám ñốc Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HÑQT kiêm Tổng Giám ñốc Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lổnh cò phiếu ñang nam giới:
 - Sô hẩu: 21.400 cò phiếu (tỷ lệ 0.2%)
 - Ñại diện sô hẩu: 2.677.500 cò phiếu (tỷ lệ 25.025%)
- Số lổnh cò phiếu của ngổoi cò liên quan ñang nam giới:

Em trai: Trần Ñình Hà

Số lổnh cò phiếu sô hẩu: 4.850 cò phiếu (tỷ lệ 0.05%)
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu cò): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

2. Ông Hoàng Văn Lộc:

- Họ và tên : HOANG VAN LOC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/09/1956
- Nơi sinh : Ky Bac, Ky Anh, Ha Tinh
- CMND số : 280473054
- Ngày cấp : 25/05/2004
- Nơi cấp : Bình Đồng
- Quốc tịch : Viet Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ky Bac, Ky Anh, Ha Tinh
- Nhà chế thông trú: 36/11, to 11, khu 4, P. Phu Lôi, thôn xa Thu Dau Mot, Bình Đồng
- Số liên thoại liên lạc ô công quan: 0650.822602
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhà chế công trình
- Quá trình công tác :
 - 1980 – 1989 : Phó ban phân vùng kinh tế
 - 1989 – 1991 : Trưởng phòng tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Be.
 - 1991 – 1993 : Chỉ huy phó chỉ huy QL Tai Nguyen khoảng san tỉnh Sông Be
 - 1993 – 04/2006 : Phó Giám Đốc Công ty Khoảng San và Xây Dựng Bình Đồng
 - 05/2006 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoảng San và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoảng San và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lương cơ phiếu năng nam giới:
 - Số hữu: 12.000 cơ phiếu (tỷ lệ 0.11%)
 - Nơi diện số hữu: Không
- Số lương cơ phiếu của người có liên quan năng nam giới: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

3. Ông Lê Hồng Thanh:

- Họ và tên : LÊ HỒNG THANH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1956
- Nơi sinh : Hoa Châu, Hoa Vàng, Nã Nang
- CMND số : 280074394
- Ngày cấp : 21/02/2003
- Nơi cấp : Bình Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hoa Châu, Hoa Vàng, Nã Nang
- Nhà ở thông trú: Khu dân cư Chanh Nghĩa, thôn xa Thu Dau Mot, Bình Đồng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.826006
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế Toán
- Quá trình công tác :
 - 10/1995 – 09/1999 : Phó Cục trưởng Cục Quản lý Vốn và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Sông Bé.
 - 10/1999 – 12/2004 : Chỉ huy phó Chỉ huy Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng
 - 01/2005 – 04/2006 : Chỉ huy trưởng Chỉ huy Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng
 - 05/2006 – nay : Chỉ huy trưởng Chỉ huy Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng, thành viên HĐQT Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay: Chỉ huy trưởng Chỉ huy Tài chính Doanh nghiệp Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Đồng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Tổ Văn Nấu tổ Bình Đồng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lâm sản và XNK Tổng hợp Bình Đồng
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Văn Hóa Tổng Hợp Bình Đồng
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Bình Đồng
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Văn tại Bình Đồng
- Số lương cơ phiếu năng lương giải:
 - Số hữu: 7.300 cơ phiếu (tỷ lệ 0.07%)

- Năi diện số hău: 2.677.500 cđ phieu (tỷ lệ 25.025%)

- Số lăng cđ phieu của ngăi cđ liên quan năng nam giă: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu cđ): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không

- Lợi ích liên quan với công ty: Không

4. Ông **Trương Hữu Quyền**:

- Họ và tên : **TRƯƠNG HỮU QUYẾN**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 04/10/1963
 - Nơi sinh : Long Bình, Đồng Nai
 - CMND số : 280584877
 - Ngày cấp : 17/12/2005
 - Nơi cấp : Bình Dăng
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Biên Hòa, Năng Nai
 - Nhà cđ thăng trú: 18/1 Ngăi Thăng, xã Bình Thăng, huyện Dă An, tănh Bình Dăng
 - Số năien thoăi liên lạc ô cđ quan: 0650.3774519
 - Trình năo văn hóa: 6/12
 - Trình năo chuyên môn: không
 - Quá trình công tác :
 - Tháng 10/1985 – tháng 12/1988: Quản năc Xí nghiệp Vĩnh Hiệp – gạch ngăi Tp. Biên Hòa.
 - 1988 – 1999: Giám năc DNTN gạch ngăi Hữu Tín
 - 2000 – nay: Giám năc DNTN gạch ngăi Hữu Tín.
- Chu tịch HŨQT Công ty TNHH Phăng Thao
- Chu tịch HŨQT Công ty TNHH Ngọc Quy
- Chăc vụ công tác hiện nay: Thành viên HŨQT Công ty CP Khoăng san và Xây dăng Bình Dăng
 - Chăc vụ công tác hiện nay tại các tđ chăc khác:
 - Giám năc DNTN gạch ngăi Hữu Tín
 - Chu tịch HŨQT Công ty TNHH Phăng Thao
 - Chu tịch HŨQT Công ty TNHH Ngọc Quy

- Số lương cổ phiếu đang nắm giữ:
 - Số hữu: 195.485 cổ phiếu (tỷ lệ 1.83%)
 - Nơi diễn số hữu: không
- Số lương cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mua thuận với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

5. Ông Trần Thiên Thế:

- Họ và tên : TRAN THIEN THE
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/12/1963
- Nơi sinh : Tân Lập Phú, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước
- CMND số : 280473222
- Ngày cấp : 18/07/2006
- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Long, Tỉnh Bình Phước
- Nhà cư trú: 7/2 Khu phố 6, Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Đức, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.833282
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Nơi học Đại chính Kế toán
- Quá trình công tác :
 - 10/1985 – 12/1988 : Kế Toán Liên Hiệp các xí nghiệp Sản phẩm Sông Bé
 - 1988 – 1995 : Kế Toán Trưởng xí nghiệp Gốm sứ Xuất khẩu Sông Bé
 - 1996 – 1997 : Kế Toán Trưởng xí nghiệp Xây dựng BECAMEX
 - 1998 – 1999 : Phó Kế Toán Trưởng Công ty BECAMEX
 - 2000 – nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thế Nhất
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thế Nhất, thành viên HĐQT công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoang san và Xây dựng Bình Đồng
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nấu tổ và Kinh doanh Bat ñồng san.
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dõc và Vạt tổ Y te Bình Dõc.
- Số lương có phiếu ñang nam giữ:
 - Số hõu: 7.300 có phiếu (ty le 0.06%)
 - Ñai diện số hõu: không
- Số lương có phiếu của người có liên quan ñang nam giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

II/ Ban Tổng Giám ñốc:

1. Ông Trần Ñình Hai: Lý lịch nêu tại Mục: Lý lịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Hoàng Văn Lộc: Lý lịch nêu tại Mục: Lý lịch Hội đồng quản trị.
3. Ông Ñang Quang Thung:
 - Họ và tên : ÑANG QUANG THUNG
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 15/10/1958
 - Nơi sinh : Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghe An
 - CMND số : 280552928
 - Ngày cấp : 07/07/2005
 - Nơi cấp : Bình Dõc
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghe An
 - Ñịa chỉ thường trú: 56/28 Hai Ba Trõng, P. Phú Cõc, thõ xa Thu Dau Mot, Bình Dõc
 - Số ñiện thoại liên lạc ô cõ quán: 0650.822602
 - Trình ñoạn văn hóa: 10/10
 - Trình ñoạn chuyên môn: Cõ nhận kinh te ngành quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác :
 - 1990 – 1992 : Quản ñốc phân xõc Xí Nghiệp Cao lanh Gom Sõ song Be
 - 1993 – 1994 : Quản ñốc phân xõc Công ty khai thác & XKKS Song Be
 - 1994 – 2002 : Trưởng phòng TCHC Công ty Khoang San và Xây Dõc Bình Dõc

Ñôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoang san & Xây dựng Bình Dõc

Ñôn và tổ chức:

Công ty Chõng khoán Ñe Nhất

- 2002 – 04/2006 : Phó Giám đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- 05/2006 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lương cơ phiếu năng lương:
 - Số hũ: 11.550 cơ phiếu (tỷ lệ 0.10%)
 - Nơi diện số hũ: Không
- Số lương cơ phiếu của người có liên quan năng lương: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

4 Ông Phạm Văn Hiệp:

- Họ và tên : PHẠM VĂN HIỆP
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1962
- Nơi sinh : Lai Hòa, Bến Cát, Bình Dông
- CMND số : 280129244
- Ngày cấp : 06/01/2004
- Nơi cấp : Bình Dông
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quan hệ : Hoa Lôi, Bến Cát, Bình Dông
- Nhà ở thường trú: 81/19 KP 1, Phường Phú Thọ, thị trấn Thủ Dầu Một, Bình Dông
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.822602
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - 1986 – 1992 : Kế Toán Trưởng Liên Hiệp các Xí Nghiệp Sản Sỏi sông Bé
 - 1993 – 2002 : Kế Toán Trưởng Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
 - 2002 – 04/2006 : Phó Giám đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông

- 05/2006 – nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số vốn có phiếu ngang năm giờ:
 - Số vốn: 10.100 cổ phiếu (tỷ lệ 0.09%)
 - Nơi diện số vốn: Không
- Số vốn có phiếu của người có liên quan ngang năm giờ:
 - Em trai: **Phạm Ngọc Tiến**
Số lượng cổ phần sở hữu: **300 cổ phần**
 - Em gái: **Phạm Thị Ngọc Tuyết**
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000 cổ phần**
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

III/Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Quang Nhứt:

- Họ và tên : NGUYỄN QUANG NHỨT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1966
- Nơi sinh : Phú Công, thôn xa Thu Dau Mot, Bình Đồng
- CMND số : 280363439
- Ngày cấp : 24/12/2002
- Nơi cấp : Bình Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quan hệ : Tổng Bình Hiệp, thôn xa Thu Dau Mot, Bình Đồng
- Nhà cư trú: Tân An, thôn xa Thu Dau Mot, Bình Đồng
- Số liên hệ liên lạc ô công: 0650.826006
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế Toán

- Qua trình công tác :
 - 10/1995 – 09/1999 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Cục quản lý Vận tải và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Sông Bé.
 - 10/1999 – 04/2006 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng.
 - 05/2006 – nay : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Đồng
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Đồng (Bimico)
- Số lương cơ phiếu hưởng nam giới:
 - Số hữu: 4.850 cơ phiếu (tỷ lệ 0.04%)
 - Nơi diện số hữu: Không
- Số lương cơ phiếu của người có liên quan hưởng nam giới: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

2. Ông Nguyễn Hoàng Tam:

- Họ và tên : NGUYỄN HOANG TAM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1973
- Nơi sinh : Sài Gòn
- CMND số : 310886748
- Ngày cấp : 26/09/2005
- Nơi cấp : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khu 7, thôn Trần Cai Lay, huyện Cai Lay, Tỉnh Tiền Giang
- Nhà cư trú thông tin: 463/49/12/7 Trần Xuân Soán, KP4, P. Tân Hồng, Q.7, TP.HCM
- Số liên hệ liên lạc ô công: 0650.717070
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình ão chuyên môn: Cũ nhân kinh tế
- Qua trình công tác :
 - 12/1996 – 03/2003 : Kế toán Công ty Công trình Giao Thông 710
 - 04/2003 – 04/2006 : Kế toán Công ty Khoang San và Xây Dũng Bình Dũng
 - 05/2006 – nay : Kế toán, Thanh viên ban kiểm soát Công ty CP Khoang San và Xây Dũng Bình Dũng
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán công ty cũ phạn Khoang san và Xây dũng Bình Dũng
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lũng cũ phiếu ãang nam giỏ:
 - Số hũu: 3.400 cũ phiếu (0.03%)
 - ãai diện số hũu: Không
- Số lũng cũ phiếu của ngũũ cũ liên quan ãang nam giỏ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu cũ): Không
- Quyền lũu mẫu thuận vũ lũu ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vũ công ty: Không
- Lũu ích liên quan vũ công ty: Không

3. Ông Phạm Thanh Tung:

- Họ và tên : PHAM THANH TUNG
- Giũu tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/04/1969
- Nũ sinh : Bien Hoa, ãong Nai
- CMND số : 280951550
- Ngày cấp : 07/07/2005
- Nũ cấp : Bình Dũng
- Quốc tịch : Viet Nam
- Dân tộc : Kinh
- Que quán : Tân Uyên, Bình Dũng
- ãũa chũ thông trú: Ấp 2, Thanh Phũc, Tân Uyên, Bình Dũng
- Số ãiên thoại liên lạc ô cũ quán: 0650.652298
- Trình ão văn hóa: 12/12
- Trình ão chuyên môn: Ký số ãiên công nghiệp
- Qua trình công tác :
 - 12/1990 – 09/1993 : Thũ ãiên Công ty Giay Tân Mai

- 10/1993 – 08/2004 : Thô niên Công ty KT&XKKS BD
 - 04/2004 – 09/2004 : Cán bộ Ban QLDA NMG Cty Khoang san & XDBD
 - 10/2004 – 04/2005 : Phó Giám Đốc NMGBP Cty Khoang san & XDBD
 - 05/2005 – 05/2006 : Phó Quản Đốc PX nông nghiệp Cty Khoang san & XDBD
 - 06/2006 – nay : Phó Giám Đốc NMG, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám Đốc Nhà máy gạch Bình Phú
 - Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
 - Số lương cơ phiếu năng lương giải:
 - Số hồ: 7.000 cơ phiếu (tỷ lệ 0.06%)
 - Nơi diễn số hồ: Không
 - Số lương cơ phiếu của người có liên quan năng lương giải: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 - Các khoản nợ với công ty: Không
 - Lợi ích liên quan với công ty: Không

IV/Kiểm toán kiểm tra:

Họ và tên : LUC THANH SANG

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1960
- Nơi sinh : Bình Dông
- CMND số : 280049187
- Ngày cấp : 21/07/2005
- Nơi cấp : Bình Dông
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thanh Tuyên, huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dông
- Nhà ở thông tin: Phường Hiệp Thanh, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dông
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.717070
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế lâm nghiệp
- Quá trình công tác :
 - 1989 – 1995 : Trưởng phòng kinh doanh Lâm nghiệp Nhạc Ô Sông Bé

- 1995 – 2002 : Phó phòng kế toán Công ty Khoang San và Xây Dựng Bình Dông
- 12/2002 – 04/2006 : Kế toán trưởng Công ty Khoang San và Xây Dựng Bình Dông
- 05/2006 – nay : Kế toán trưởng Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoang San và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lương cơ phiếu hưởng nam giới:
 - Số hữu: 8.150 cơ phiếu (tỷ lệ 0.07%)
 - Nơi diện số hữu: Không
- Số lương cơ phiếu của người có liên quan hưởng nam giới: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc số hữu của công ty):

			Nhôn và tính: nhông
	Tên tài sản	Nguyên giá (30/09/2009)	Giá trị còn lại (30/09/2009)
01	Nhà cửa vật kiến trúc	28.816.632.906	15.887.514.765
02	Máy móc thiết bị	48.102.677.685	25.495.736.523
03	Phôi thép tiền van tại	25.334.082.500	16.336.505.572
04	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.076.777.397	498.224.530
05	Tài sản cơ giới vô hình	2.012.516.200	1.556.614.136
06	Bat nông sản nông tố (*)	67.294.488.467	62.627.352.490
Tổng Cộng		173.637.175.155	122.401.948.016

(*) Bất động sản đầu tư: là khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng (hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, xử lý nước thải ...) tại khu Công Nghiệp Đất Cuốc huyện Tân Uyên Tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 212 ha/553 ha được quy hoạch. Công ty sẽ thu hút đầu tư vào Khu Công nghiệp để chuyển nhượng quyền sử dụng cơ sở hạ tầng và kinh doanh các dịch vụ khác đi kèm.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cơ cấu năm 2009:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009		Kế hoạch năm 2010	
	Giá trị (nhông)	% tăng giảm so năm 2008	Giá trị (nhông)	% tăng giảm so năm 2009

- Ban cáo bạch niêm yết -

Doanh thu thuần	296.900.000.000	-12.08	327.000.000.000	+ 10.14
Lãi nhuận trước thuế	55.000.000.000	-34.72	65.000.000.000	+ 18.20
Lãi nhuận sau thuế	48.130.000.000	-33.41	56.875.000.000	+ 18.17
LN sau thuế /Doanh thu thuần	16.21%	-25.88	17.39%	+ 7.30
Cổ tức/mệnh giá (%)	20%		25%	

– Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Các chỉ tiêu kế hoạch hoàn thành năm 2009 thuộc HÑQT, Ban TGN Công ty xây dựng thập niên kết quả thực hiện trong năm 2008 trên cơ sở như sau:

- Các đơn vị đầu tư năm 2008 và chuyển tiếp hoàn thành, nộp vào sổ dung trong năm 2009 chờ thực thi phát hành hiệu quả ngay trong năm;
- Cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu chưa có dấu hiệu chấm dứt, tác động đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của công ty trong sáu tháng đầu năm 2009 chưa đạt mức tương ứng so với cùng kỳ năm 2008;
- Giá bán sản phẩm theo xu hướng ngày càng giảm, nhiều sản phẩm có giá giảm hơn 50%;

– **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.**

A. Các mô hình và năng lực khai thác:

- Mô hình Tân Nông Hiệp với công suất: 1.000.000m³/năm
- Mô hình Phước Vĩnh với công suất: 1.000.000m³/năm
- Mô hình Tân Mỹ với công suất: 360.000m³/năm
- Mô hình Cao Lãnh Tân Lập với công suất: 50.000m³/năm
- Mô hình Set Gạch Khanh Bình với công suất: 200.000m³/năm

B. Các đơn vị đầu tư lập thời hạn xin cấp lần đầu và xin cấp lại:

Nội dung:

Tên mô hình	Diện tích	Tổng vốn đầu tư	Năm thực hiện	Ghi chú
Mô hình Cao Lãnh Minh Long – Chơn Thành – Bình Phước	64ha	1.114.696.000	334.408.800	Cấp lần đầu
Mô hình Cao Lãnh An Lập – Dầu Tiếng – Bình Dương	37.72ha	681.914.000	410.000.000	Cấp lần đầu

Nội dung phát hành:

Công ty Cổ phần Khoang sản & Xây dựng Bình Dương

Nội dung tờ van:

Công ty Chứng khoán Nê Nhất

Mô cat long ho Dau Tieng – Bình Dông	100ha	852.051.900	255.000.000	Cáp lan nầu
Tong cong		2.648.661.900	999.408.800	

C. Các chỉ tiêu về sản lượng kế hoạch năm 2009 (Năm nầu năm NHNCN thông nien năm 2009 thông qua):

1. Ngành khai thác, chế biến khoáng sản:

Stt	Loại sản phẩm	Đơn vị	Sản lượng
1	Khai thác, chế biến nầu: - Khai thác nầu - Chế biến nầu	m ³	2.400.000 2.153.000
2	Khai thác, chế biến cao lanh: - Khai thác - Chế biến bột - Chế biến lọc	m ³ tan tan	75.000 16.000 3.600
3	Khai thác sét gạch ngói: - Nguyên liệu sản xuất gạch - Khai thác kinh doanh	m ³	30.000 100.000
4	Khai thác cát	m ³	40.000

2. Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, nầu tinh khiết:

1	Gạch tuynel: - Gạch ong, gạch nầu - Sản phẩm khác: Ngói, gạch khóa, bong gio, bánh u, gạch cách âm.	Vien	25.000.000 300.000
2	Bê tông ly tam nầu quy cách	Met	24.000
3	Nầu tinh khiết nầu chai, nầu bình	Lít	2.400.000

3. Lĩnh vực kinh doanh Khu công nghiệp:

Đã kien cho thuê tại Khu công nghiệp Nầu Cuoc với diện tích là 20ha.

4. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác:

- Xây dựng các công trình nhận thuê ngoài: 4.380.000.000nầu
- Vận tải sản phẩm hàng hóa: 4.371.600tanKm.

16. Nhận giá của tổ chức tổ vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

La doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ cho Công ty cổ phần Khoang san và Xây Dựng Bình Dông xuyên suốt qua trình cổ phần hóa cho đến nay, Công ty cổ phần Chông khoan Ñe Nhat ñã tiến hành thu thập dữ liệu, ñồng thời tiến hành phân tích ñể ñưa ra những ñánh giá và ñảm bảo về hoạt ñộng kinh doanh của Công ty cổ phần Khoang san và Xây Dựng Bình Dông: nhìn chung kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 ñược xây ñựng một cách khả thi trong trờng những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế 06 tháng ñầu năm, các phòng an kinh doanh ñều có ñảm phòng rủi ro nên nếu không có những biện pháp bất thường và bất khả kháng tác ñộng ñến hoạt ñộng kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty ñưa ra là hoàn toàn khả thi và Công ty có thể ñảm bảo ñược tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2009 nhờ kế hoạch ñã ñề ra.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên ñược ñưa ra ñối với ñánh giá của một ñơn vị tổ vấn, ñưa trên những dữ liệu mà chúng tôi có ñược và ñảm bảo chu quan ñưa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo ñảm giá trị của chông khoan cũng như không khẳng ñịnh tính chắc chắn của những số liệu ñược ñảm bảo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà ñầu tư khi ra quyết ñịnh ñầu tư.

17. Thông tin về những cam kết những chổa thốc hiện của tổ chức ñăng ký niêm yết: Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng ñến giá cả cổ phiếu niêm yết: Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông. |
| 2. Mệnh giá: | 10.000 ñồng/cổ phần |
| 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: | 10.700.000 cổ phiếu |
| 4. Số lượng cổ phiếu bỏ hạn chế chuyển ñổi: | |
| o Căn cứ Giấy chông nhận ñăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 344/UBCK-CGN ngày 17/10/2008 của UBCKNN; và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/12/2008 của Công ty, tổng số cổ phiếu phát hành theo chông trình lựa chọn cho CBCNV công ty là 197.750 cổ phiếu. | |
| o Căn cứ quy chế niêm yết chông khoan tại Sở Giao Dịch Chông Khoan TP Hồ Chí Minh. | |

Số cổ phiếu bỏ hạn chế chuyển ñổi của Công ty là 418.235 cổ phiếu bao gồm :

- o Tổng số cổ phiếu phát hành theo chông trình lựa chọn cho CBCNV là 197.750 cổ phiếu bỏ hạn chế chuyển ñổi 02 năm kể từ ngày 01/01/2009 ñến 31/12/2010.

- o Số cổ phiếu của công ty là thành viên HÑQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là 288.535 cổ phiếu (đã bao gồm số lương cổ phiếu bù hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2010 là 68.050 cổ phiếu trong tổng số 197.750 cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn nhờ nêu trên) bù hạn chế chuyển nhượng 100% số lương cổ phiếu năm giờ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

5. Giá đối kien niêm yết: 35.000đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá:

1. Phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách:

Giá trị cổ phiếu tính theo giá trị sổ sách ngày 30/06/2009 như sau:

$$\begin{aligned}\text{Giá cổ phiếu niêm yết} &= \frac{(\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Quy khen thưởng phúc lợi})}{\text{Số lương cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{(266.502.295.582 - 8.047.599.519)}{10.700.000} = 24.155 \text{ đồng/cổ phiếu}\end{aligned}$$

2. Phương pháp tính giá theo P/B (thời giá trên giá trị sổ sách):

Hệ số P/B bình quân được sử dụng trên cơ sở tham chiếu số liệu của những doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, lĩnh vực với công ty đang niêm yết trên HOSE:

MÃ CK	TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT	GIÁ 31/07/2009	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH 30/06/2009	P/B
BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	64,500	15,733	4.10
DHA	CTCP Hóa An	29,000	24,725	1.17
LBM	CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	14,500	14,426	1.01
MCV	CTCP CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và xây dựng	13,200	19,461	0.68
Tổng cộng				1.63

Hệ số P/B bình quân được xác định là 1.63.

Giá trị sổ sách của công ty tại ngày 30/06/2009 là 24.155 đồng/cổ phiếu

$$\begin{aligned}\text{Nhờ vậy, Giá cổ phiếu niêm yết} &= \text{Giá trị sổ sách ngày 30/06/2009} \times \text{P/B bình quân} \\ &= 24.155 \times 1.63 = 39.372 \text{ đồng/cp}\end{aligned}$$

3. Phương pháp tính giá theo P/E:

MÃ CK	TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT	Giá trị vốn hóa thị trường	EPS điều chỉnh	Giá thị trường ngày 31/07/2009	P/E
BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	533	4.31	64.5	14.95
DHA	CTCP Hóa An	292	3.87	29.1	7.52
LBM	CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	100	1.99	14.6	7.34
MCV	CTCP CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và xây dựng	108	1.72	13.4	7.40
Tổng cộng					11.36

(Nguồn: Ban tính của HOSE ngày 01/08/2009)

- Ban cáo bạch niêm yết -

EPS của công ty ngày 30/06/2009: EPS = 3.097 đồng/cổ phiếu

Giá cổ phiếu niêm yết dự kiến = EPS x P/E bình quân

= 3.097 x 11.36

= **35.182 đồng/cổ phiếu**

Kết luận: Tổng hợp các phương pháp tính giá cổ phiếu dự kiến niêm yết (như trên), Giá dự kiến niêm yết ước tính là: 35.000 đồng/cổ phiếu.

7. Giới hạn về tỷ lệ nam giới nội với người nước ngoài: Tính đến ngày 30/06/2009, tỷ lệ nam giới Cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 13.20%/ vốn nội tệ.

Khi Công ty tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán thì tỷ lệ nam giới của nhà đầu tư nước ngoài sẽ ước tính thực hiện theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ (giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty).

8. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có

9. Các loại thuế có liên quan:

- Công ty ước cơ phân hóa năm 2005 căn cứ theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ, công ty ước miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và năm 2007; và ước giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm 2008 (thuế suất 28%), năm 2009 (thuế suất 25%) và năm 2010 (thuế suất 25%).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: kể từ ngày 01/01/2009 công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên cơ sở quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009.
- Thuế thu nhập cá nhân: Trên cơ sở Nghị quyết số 32/2009/NQ-QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc hội quy định:
 - Miễn toàn bộ thuế thu nhập cá nhân từ tháng 01/2009 đến hết tháng 06/2009 đã giảm cho các nội tổng.
 - Tiếp tục miễn số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/07/2009 đến hết năm 2009 nội với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại.
- Nội với thuế tài nguyên: Trên cơ sở Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên, theo đó thuế suất thuế tài nguyên nội với sản phẩm là 5% và phí bảo vệ môi trường là 1.000đ/m³ (theo Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 05/08/2008 của UBND tỉnh Bình Dương).

VI. CÁC NỘI TÁC LIÊN QUAN TỚI NỘT NIEM YET:

Tổ chức tổ van niêm yết:

CONG TY CO PHAN CHÖNG KHOAN NÛE NHAT.

Tru sô chính: So 9, Hoang Van Thu, Khu Nổ Thò Chanh Nghóa, Thò xa Thu Dau Mot
Tành Bình Dỗng.

Niên thoai: 0650. 3832614 Fax: 0650. 3832616

Chi nhanh: So 521, Hong Bang , F14, Q5, Tp. Ho Chí Minh

Niên thoai: 08. 38537923 Fax: 08. 38537932

Website : <http://www.fsc.com.vn>

Tổ chức kiem toan:

CONG TY TNHH DELOITTE VIET NAM

Nhà ch : Lau 11, Trung Tam Thỗng mại Sai Gon .

So 37, Ton Nỗc Thang Quan 1, TP Ho Chí Minh

Niên Thoai : 08.39100751, Fax : 08.39100750

VII. PHU LUC

1. Phu luc I : Ban sao hốp le Giay chỡng nhan ñang ky kinh doanh.
2. Phu luc II: Ban sao hốp le Nieu le cong ty.
3. Phu luc III: Bao cáo tài chính kiem toan năm 2007, năm 2008 va Bao cáo tài chính 09
thang ñau năm 2009.

- Ban cáo bạch niêm yết -
Tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc



Trần Đình Hải

BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban


Nguyễn Quang Nhứt

Kế toán Trưởng


Lục Thanh Sang

Tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT
Tổng Giám Đốc



Trần Văn Thế

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương - 61 -

Đơn vị tư vấn:

Công ty Chứng khoán Đệ Nhất